

Số: 1995/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy
chuyên ngành Digital Marketing

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 1650/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định 547/QĐ-ĐHNH ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Digital Marketing;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại Biên bản họp ngày 15 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo đại học chính quy chuyên ngành Digital Marketing, thuộc ngành Quản trị kinh doanh.

Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành nêu tại Điều 1 được áp dụng cho hệ đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng Phòng Quản lý công nghệ thông tin, Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên hệ đại học chính quy chuyên ngành Digital Marketing chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng Trường:
 - Hiệu trưởng:
 - Các Phó Hiệu trưởng:
 - Như Điều 3: để thực hiện;
 - Lưu: VP, P. ĐT.
- để thông tin

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành theo Quyết định số 1995/QĐ – ĐHNH ngày 16... tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

Tên chương trình: **DIGITAL MARKETING**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Mã số: **7340101**

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành digital marketing tốt nghiệp có khả năng nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội tổng quát, kiến thức chuyên sâu về Digital marketing. Có phẩm chất đạo đức tốt của người làm kinh doanh, marketing. Có năng lực nghiên cứu giải quyết vấn đề và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing thời kỳ số hóa.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)

TT	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	PHÂN LOẠI		Cấp độ chuẩn đầu ra của chương trình
		Tổng quát	Chuyên nghiệp	
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	X		X

PLO2	Khả năng tư duy phản biện	X		X
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	X		X
PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	X		X
PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	X		X
PLO6	Khả năng nhận diện, phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, vận hành, marketing, kế toán, tài chính, dự án và chuỗi cung ứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh.		X	X
PLO7	Khả năng vận dụng chuẩn mực đạo đức, giá trị văn hóa, kỹ năng giao tiếp, truyền thông và thấu hiểu hành vi tổ chức nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực con người và hình thành hành vi chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh phù hợp bối cảnh quốc tế.		X	X
PLO8	Khả năng chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng, triển khai và đánh giá dự án kinh doanh.		X	X

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Số TT	Tên môn học	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1. Kiến thức đại cương									
1	Triết học	X	X	X					
2	Kinh tế chính trị	X	X	X					
3	Chủ nghĩa xã hội	X	X	X					
4	Lịch sử đảng	X	X	X					
5	Tư tưởng HCM	X	X	X					
6	Toán cao cấp 1	X	X				X		
7	Toán cao cấp 2	X	X				X		
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X				X		
9	Pháp luật đại cương	X	X				X		
10a	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	X	X	X					
10b	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	X		X		X			
10c	Logic học/ <i>Logics</i>	X	X	X					
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
1	Kinh tế vi mô	X	X				X		
2	Kinh tế vĩ mô	X	X				X		
3	Giới thiệu ngành QTKD			X	X	X			
4	Nguyên lý kế toán	X				X	X		
5	Luật kinh doanh	X	X			X			
6	Nguyên lý Marketing	X		X	X				
7	Tin học ứng dụng			X	X				X
8	Kinh tế lượng	X	X						X
9	Quản trị học	X		X	X				
10	Lý thuyết TCTT			X			X		X
11	Tài chính doanh nghiệp			X			X		X
12	Kế toán tài chính				X	X	X		
13	Tiếng Anh chuyên ngành 1			X	X				X
14	Tiếng Anh QTKD			X	X			X	
15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X				
16a	Thiết kế web thương mại điện tử	X	X		X				

16b	Marketing quốc tế			X			X	X	
16c	Marketing số				X		X		X
16d	Phân tích dữ liệu cho hoạt động mạng xã hội			X			X	X	
17	Quản trị Marketing			X			X	X	
18	Quản trị vận hành				X		X		X
19	Quản trị chiến lược		X				X		X
20	Quản trị nguồn nhân lực			X		X		X	
21	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp		X			X		X	
22a	Quản trị chuỗi cung ứng				X		X		X
22b	Truyền thông trong kinh doanh		X	X				X	
22c	Giao dịch thương mại		X	X		X			
23	Truyền thông marketing tích hợp			X	X			X	
24	Marketing công cụ tìm kiếm			X	X			X	
25	Hành vi khách hàng			X	X			X	
26	Marketing truyền thông xã hội và di động			X	X			X	
27	Lập chiến lược và kế hoạch marketing thời đại số						X	X	X
28a	Quản trị thương hiệu		X				X	X	
28b	Lãnh đạo			X	X			X	
29	Báo cáo thực tập						X	X	X
30	Khoá luận tốt nghiệp						X	X	X
31	Quản trị bán hàng			X			X	X	
32	Vidco marketing								
33	Quản trị quan hệ khách hàng			X			X		X
34	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số						X	X	X

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc như marketing số, marketing nội dung số, quản trị quan hệ khách hàng, quản trị và phát triển SEO
- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm công việc nghiên cứu hoạch định chiến lược

marketing số, quản lý tổ chức kế hoạch marketing số, tổ chức thực hiện các hoạt động quan hệ khách hàng tại các công ty chuyên về truyền thông, tổ chức sự kiện, quảng cáo.

- Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai tại một số ngành liên quan như Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng, có thể học tiếp lên chương trình cao học trong nước và quốc tế về Marketing, hoặc chương trình cao học KT-TC-NH..... (sau khi học bổ sung một số môn chuyển đổi).

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc).

6. Đối tượng tuyển sinh

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

Chương trình đối sánh từ các trường đại học trong nước và quốc tế:

8.1 Chương trình đào tạo digital marketing của Trường Đại học FPT TP.HCM ban hành năm 2016

8.2 Chương trình đào tạo digital marketing của Trường Đại học RMIT ban hành năm 2017

8.3 Chương trình đào tạo digital marketing của Trường Đại học Robert Gordon ban hành năm 2017

9. Cách thức đánh giá

Áp dụng theo thang điểm 10, điểm chữ và thang điểm hệ 4 được quy đổi từ thang điểm 10 chỉ sử dụng mang tính tham khảo, đối chiếu.

10. Kết cấu và nội dung chương trình

10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	10	22	17.6%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	33	103	82.4%
2.1	Cơ sở ngành	18	52	41.6%
2.2	Ngành	7	21	16.8%
2.3	Chuyên ngành	8	30	24.0%
	Tổng cộng	43	125	100.0%

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bổ
			Lý thuyết	Thực hành/Bài tập	Khác	Cộng	
1. KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG							
Học phần bắt buộc							
1.1	Triết học Mác - Lênin	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức Khái lược về triết học Mác-Lênin cũng như vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học giúp bồi dưỡng và nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước mà Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.	30	15	0	45	1
1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin là môn học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức về Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Môn học góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên.	25	5	0	30	2

1.3	Chủ nghĩa xã hội	Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học cơ bản, cung cấp cho người học những kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; con đường và giai đoạn đi lên chủ nghĩa cộng sản. Đồng thời, môn chủ nghĩa xã hội khoa học còn đề cập đến những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa như: dân chủ, nhà nước, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, gia đình.	25	5	0	30	3
1.4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm chương nhập môn và 3 chương nội dung. Các chủ đề của môn học bao gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền của Đảng (1930- 1945); sự lãnh đạo của Đảng qua hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc và công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	25	5	0	30	4
1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương. Môn học cung cấp những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của Tư tưởng Hồ Chí Minh và các nội dung cụ thể của Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề của cách mạng Việt Nam: về độc lập dân tộc và CNXH; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa đạo đức và xây dựng con người.	15	15	0	30	3

1.6	Toán cao cấp 1	Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận và dạng toàn phương. Học xong môn học này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.	30	0	0	30	1
1.7	Toán cao cấp 2	Môn học trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...	30	0	0	30	2
1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đây là học phần kiến thức giáo dục đại cương. Môn học cung cấp các kiến thức cơ sở về toán xác suất và thống kê như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác, lý thuyết mẫu và ứng dụng trọng ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê. Học xong môn học này, sinh viên có thể tiến hành toán xác suất của các biến cố ngẫu nhiên, hiểu về quy luật mà các biến ngẫu nhiên tuân theo và áp dụng xử lý số liệu thống kê đơn giản bằng phần mềm SPSS trên PC, cũng như bằng máy tính bỏ túi. Kiến thức của môn học cũng được sử dụng cho các môn học tiếp theo trong chương trình đào tạo.	30	15	0	45	2

1.9	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, quy phạm pháp luật...; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó. Kết thúc môn học sinh viên cần hiểu được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật từ đó có tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống.	30	0	0	30	2
Học phần tự chọn kiến thức đại cương (Sinh viên lựa chọn 01 trong 03 môn học thuộc học phần sau đây để tích lũy)							
1.10a	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam. Môn học có ý nghĩa thiết thực, giúp sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc; biết tự định hướng trong thế giới thông tin đa dạng, đa chiều hiện nay, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại trên nền tảng bảo tồn và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam một cách chủ động, tích cực. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp sinh viên sử dụng những kiến thức về văn hóa áp dụng vào trong giao tiếp ứng xử trong cuộc sống và ngành nghề trong tương lai.	25	5	0	30	1
1.10b	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.	25	5	0	30	1

1.10c	Logic học/Logics	Logic học là môn học thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy. Môn học giúp nâng cao khả năng tư duy của người học, cụ thể là giúp người học biết cách tuân thủ các quy luật, quy tắc logic trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày ý kiến; giúp họ phân biệt được suy luận đúng hay sai; giúp nhận ra và tránh nguy hiểm, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề	25	5	0	30	1
2.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
Học phần bắt buộc							
2.1	Kinh tế vi mô	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp	30	15	0	45	1

2.2	Kinh tế Vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.	30	15	0	45	2
2.3	Nhập môn ngành QTKD	Đây là học phần kiến thức cơ sở ngành Quản trị Kinh doanh. Nội dung học phần, trang bị những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động kinh doanh, quản trị trong các tổ chức và đặt nền tảng cho sự vận dụng các kiến thức này vào công tác quản trị, kinh doanh các hoạt động của doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục tiếp nhận kiến thức ở các môn quản trị chuyên ngành. Hơn thế nữa học phần này sẽ giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quan và có hệ thống về quản trị kinh doanh để họ có thể trợ giúp cho các nhà quản trị và chủ doanh nghiệp điều hành sản xuất kinh doanh tốt và hiệu quả hơn. Ngoài ra, sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể định vị theo đuổi định hướng nghề nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh hiện nay.	15	15	0	30	2
2.4	Nguyên lý kế toán	Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về kế toán, cụ thể: đối tượng kế toán, vai trò và chức năng của kế toán. Bên cạnh đó, môn học trang bị kiến thức về các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, kiểm kê, tài khoản, ghi sổ, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán. Ngoài ra môn học giúp người học hiểu về tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính.	30	15	0	45	3

2.5	Luật kinh doanh	Đây là môn học cơ sở, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh doanh, quyền tự do kinh doanh; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, môn học Luật kinh doanh còn giúp sinh viên có khả năng nhận diện được các quy định của pháp luật để áp dụng cho việc tra cứu và sử dụng giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	30	15	0	45	4
2.6	Nguyên lý Marketing	Môn học được xây dựng gồm có các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.	25	15	5	45	2

2.7	Tin học ứng dụng	Môn học rất cần thiết, trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên khỏi ngành kinh tế - quản trị - quản lý của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc của mình. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản, sử dụng được các phần mềm MS Word, MS Excel, SPSS, và các phần mềm khác để soạn thảo các văn bản chất lượng cao, lập được các bảng tính phức tạp, giải được một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu và quản lý dự án, phục vụ trực tiếp cho học tập, nghiên cứu và làm việc sau này.	30	15	0	45	3
-----	------------------	--	----	----	---	----	---

2.8	Kinh tế lượng	Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản để ước lượng một cách đúng đắn các quan hệ kinh tế, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế. Trên cơ sở đó đưa ra mô hình phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất các quan hệ kinh tế. Mô hình sẽ được dùng trong phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Sau khi học xong môn học, sinh viên có kiến thức lý thuyết và kỹ năng xây dựng mô hình hồi quy một phương trình với các tình huống kinh tế cơ bản: ước lượng được các hàm cung, các hàm cầu, hàm tổng chi phí, ... Biết sử dụng một số phần mềm chuyên dụng về thống kê và kinh tế lượng: EVIEWS, SPSS,... Kiến thức của môn học là cơ sở của phương pháp nghiên cứu định lượng và cũng được sử dụng cho các môn học tiếp theo trong chương trình đào tạo.	25	20	0	45	4
2.9	Quản trị học	Môn học được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng	30	15	0	45	1

		được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.					
2.10	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	Lý thuyết Tài chính tiền tệ là một trong những môn học nằm trong khối kiến thức ngành, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính tiền tệ như: tổng quan về tài chính tiền tệ, ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng.	25	15	5	45	3
2.11	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp sản xuất, làm tiền đề để học tiếp các môn kế toán tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp và đầu tư tài chính và những môn học khác có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp. Trong môn học này sinh viên sẽ được nghiên cứu những vấn đề chủ yếu như: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp, Giá trị của tiền theo thời gian, Quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro, Các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, Chi phí sử dụng vốn, Các lý thuyết về cơ cấu vốn, Đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính,...	30	15	0	45	3

2.12	Kế toán tài chính	Môn học Kế toán tài chính 1 là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức kế toán các phần hành cụ thể tại doanh nghiệp sản xuất: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán đầu tư tài chính; kế toán xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. Môn học giới thiệu những vấn đề cơ bản của từng phần hành như khái niệm, ý nghĩa, các nguyên tắc kế toán cơ bản; sau đó tìm hiểu quy trình kế toán từng phần hành bao gồm các bước: chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính. Môn học cung cấp kiến thức về báo cáo tài chính giúp sinh viên phân tích, đánh giá về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, dòng tiền của doanh nghiệp sản xuất.	30	15	0	45	4
2.13	Tiếng Anh chuyên ngành 1 / <i>English for specific purposes 1</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, thuật ngữ, khái niệm sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, thương mại; các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên tự tin phát huy kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường hội nhập quốc tế.	15	15	0	30	

2.14	Tiếng chuyên Anh ngành QTKD	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, khái niệm với các tình huống liên quan lĩnh vực quản trị. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên hiểu, rèn luyện kỹ năng và vận dụng kiến thức từ vựng, cấu trúc và kỹ năng ngôn ngữ vào các tình huống đọc hiểu, trao đổi, thảo luận, thuyết trình, biên soạn văn bản trong các ngữ cảnh liên quan đến chuyên ngành quản trị kinh doanh.	15	30	0	45	5
2.15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.	30	15	0	45	4
Học phần tự chọn kiến thức cơ sở ngành (Sinh viên lựa chọn 03 trong 04 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)							
2.16a	Thiết kế web thương mại điện tử	Thiết kế web TMĐT là môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về thiết kế và phát triển ứng dụng web TMĐT dựa trên CMS (Content Management System) phổ biến là WordPress. Các nội dung chính của môn học bao gồm CMS, cài đặt và cấu hình WordPress, tùy chỉnh giao diện, cài đặt thêm các tính năng phục vụ một trang web TMĐT.	30	15	0	45	4

2.16b	Marketing quốc tế	Marketing quốc tế thuộc chuyên ngành Marketing nhằm cung cấp kiến thức cho người học về quy trình hoạch định, tổ chức và kiểm soát marketing trong môi trường kinh doanh quốc tế với nhiều nét khác biệt: nghiên cứu phân khúc lựa chọn thị trường; xây dựng các chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị thâm nhập thị trường; quy trình xây dựng một kế hoạch marketing quốc tế.	30	15	0	45	5
2.16c	Quản trị vận hành	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các công cụ và kỹ thuật để đảm bảo được năng suất và hiệu quả của sản phẩm trong quá trình vận hành. Nội dung môn học bao gồm việc đề cập đến kỹ năng, cách thức dự báo, điều phối, các quyết định liên quan đến quá trình sản xuất để nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường sản xuất và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.	30	15	0	45	5
2.16d	Phân tích dữ liệu cho hoạt động mạng xã hội	Phân tích dữ liệu mạng xã hội là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học nhằm giới thiệu các khái niệm và lý thuyết về phân tích dữ liệu Web và mạng xã hội như các khái niệm, các phương pháp, kỹ thuật và công cụ, từ đó giúp người học có thể vận dụng một số công cụ nhằm khám phá thông tin qua việc lập hồ sơ khách hàng, cộng đồng, xác định xu hướng, định vị mục tiêu, phân tích quan điểm và phát triển các hệ thống khuyến nghị.	30	15	0	45	5
2.2. Kiến thức ngành							
Học phần bắt buộc							

2.17	Quản trị Marketing	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về quản trị Marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp và Marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và khả năng áp dụng tiến trình quản trị marketing trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác, với các nội dung chính về: phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, tổ chức thực hiện, đánh giá, điều chỉnh chiến lược marketing trong mối quan hệ với chiến lược tổng quát của doanh nghiệp.	25	15	5	45	6
2.18	Marketing số	Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết thấu đáo về lý thuyết và thực tiễn về marketing trên môi trường kỹ thuật số; giúp sinh viên nắm bắt được sự đổi mới trong vận dụng các phương tiện kỹ thuật số trong hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing, Pr trực tuyến.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing	30	15	0	45	5

2.19	Quản trị chiến lược	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về chiến lược và quản trị chiến lược, là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu và khả năng áp dụng tiến trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp cũng như các loại hình tổ chức khác, với các nội dung chính về: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, xây dựng chiến lược, tổ chức chiến lược, và kiểm soát chiến lược. Sau khi hoàn thành môn học, người học có khả năng thực hành quy trình quản trị chiến lược trong các loại hình tổ chức kinh doanh.	30	15	0	45	6
2.20	Quản trị nguồn nhân lực	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, giúp sinh viên hiểu rõ và nhìn nhận một cách có hệ thống vai trò then chốt của nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong một tổ chức. Hiểu được những quan điểm, xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực; Nắm vững và vận dụng một cách linh hoạt các chức năng cơ bản của Quản trị nguồn nhân lực; Rèn luyện và phát huy những kỹ năng thiết yếu trong công tác quản trị nguồn nhân lực: tuyển dụng; đánh giá nhân sự; động viên, khuyến khích nhân viên; giải quyết các tranh chấp lao động, v.v...	30	15	0	45	6

2.21	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành mang tính chất bổ trợ kiến thức cho sinh viên khối ngành kinh tế nói chung và sinh viên khoa quản trị kinh doanh nói riêng. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về (1) vấn đề đạo đức trong các lĩnh vực kinh tế như khái niệm, vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách thức xây dựng đạo đức kinh doanh trong môi trường kinh doanh hiện nay; (2) vấn đề văn hóa doanh nghiệp như khái niệm, sự cần thiết.	25	15	5	45	5
2.22	Sáng tạo nội dung số	Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết thấu đáo về lý thuyết và thực tiễn về marketing nội dung trên môi trường kỹ thuật số; giúp sinh viên nắm bắt được sự đổi mới trong vận dụng các loại hình và phương tiện content trong hoạt động marketing của doanh nghiệp. Học phần tập trung vào phân tích hoạt động Content Marketing thông các công cụ truyền thông mới như: marketing qua công cụ tìm kiếm, marketing qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing, Pr trực tuyến.... Qua đó, sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết và sử dụng được các công cụ Content Marketing để vận dụng vào quá hoạt động marketing của doanh nghiệp	25	15	5	45	6
Học phần tự chọn kiến thức ngành (Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học sau đây để tích lũy)							

2.23a	Quản trị chuỗi cung ứng	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học chuỗi cung ứng và việc quản lý chuỗi cung ứng, là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, kỹ năng xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trước khi đi vào chuyên sâu kỹ thuật quản trị cho nhà quản trị tương lai.	25	15	5	45	7
2.23b	Truyền thông kinh doanh	Truyền thông trong kinh doanh là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nó cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về các hoạt động giao tiếp, truyền thông trong hoạt động kinh doanh. Sau khi học xong môn học, sinh viên sẽ nắm được những vấn đề cơ bản trong hoạt động giao tiếp nói chung và giao tiếp trong hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng. Đồng thời, cũng rèn luyện những kỹ năng cần thiết trong quá trình làm việc như: Kỹ năng thuyết trình, trình bày một vấn đề, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, email, Memos, phòng vấn dự tuyển..	25	15	5	45	4
2.2. Kiến thức chuyên ngành							
Học phần bắt buộc							
2.24	Truyền thông marketing tích hợp	Môn học cung cấp kiến thức về cơ bản trong hoạt động truyền thông tiếp thị của doanh nghiệp như quảng cáo, quan hệ công chúng, bán hàng cá nhân, khuyến mãi, tiếp thị trực tiếp.... Sau khi học xong, người học có thể hiểu và vận dụng kiến thức của môn học để lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và giám sát hoạt động truyền thông tiếp thị tích hợp cho doanh nghiệp	25	15	5	45	7

2.25	Marketing công cụ tìm kiếm	Môn học thuộc kiến thức ngành Digital Marketing bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về các công cụ tìm kiếm, và marketing công cụ tìm kiếm. Để từ đó, sinh viên xây dựng nội dung, lập kế hoạch, thực hiện chiến dịch marketing trên công cụ tìm kiếm cho doanh nghiệp.	25	15	5	45	7
2.26	Hành vi khách hàng	Môn học được xây dựng để cung cấp cho học viên những kiến thức về hành vi khách hàng, bao gồm: Sau khi học xong, người học có khả năng phân tích, đánh giá được hành vi mua hàng của khách hàng cá nhân & doanh nghiệp	25	15	5	45	4
2.27	Truyền thông mạng xã hội và di động	Môn học thuộc kiến thức ngành Digital Marketing bậc đại học. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức chủ yếu về các công cụ truyền thông xã hội, thiết bị di động, xây dựng nội dung, lập kế hoạch, thực hiện chiến dịch marketing truyền thông mạng xã hội, và marketing trên thiết bị di động cho Doanh nghiệp.	25	15	5	45	7
2.28	Lập chiến lược và kế hoạch marketing thời đại số	Học phần xây dựng kế hoạch marketing thuộc khối kiến thức chuyên ngành Digital marketing, cung cấp những nguyên tắc nền tảng để tiếp cận nhằm quản trị công tác hoạch định, xây dựng kế hoạch marketing cho một doanh nghiệp cụ thể. Học phần này được xây dựng trên quan điểm “xây dựng kế hoạch marketing” đòi hỏi một sự hiểu biết chiến lược (lẫn chiến thuật), lên kế hoạch tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá thành quả marketing trong suốt quá trình thực thi. Các giai đoạn của quá trình xây dựng kế hoạch marketing cần thực hiện đồng bộ nhất quán, cho phép các nhà quản lý thực thi công tác marketing một cách hiệu quả.	25	15	5	45	7

2.29	Thực tập Tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc học kỳ cuối của chuyên ngành quản trị kinh doanh. Trong học phần này, sinh viên sẽ khám phá, quan sát, phân tích thực tế các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến các đơn vị chức năng của một doanh nghiệp; liên hệ, đối chiếu giữa lý luận với thực tiễn các vấn đề liên quan đến việc vận hành một doanh nghiệp; rút ra những bài học kinh nghiệm, đề xuất các kiến nghị cần thiết cho các bên liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong một lĩnh vực kinh doanh cụ thể. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ lĩnh hội tri thức và kinh nghiệm từ thực tiễn kinh doanh; rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý các quy trình tác nghiệp của một chức danh nghề nghiệp cụ thể; trau dồi đạo đức, phong cách nghề nghiệp để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	0	0	45	45	8
2.30	Khoá luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành quản trị kinh doanh là một công trình nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm chứng minh người học đã hội đủ kiến thức và khả năng giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành để hoàn thành chương trình đào tạo. Khóa luận được hoàn thành đúng quy định của quy chế đào tạo sẽ cho thấy những tri thức khoa học chuyên ngành liên quan đến vấn đề nghiên cứu mà những tri thức này người học đã lĩnh hội được qua quá trình đào tạo; khả năng vận dụng tri thức khoa học, những hiểu biết thực tiễn có liên quan, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết vấn đề nghiên cứu đã lựa chọn. Bên cạnh đó,	0	0	135	135	8

		quá trình tổ chức và thực thi việc nghiên cứu khoa học cho khóa luận cũng phản ánh tinh thần trách nhiệm, tính khoa học, tính tự chủ, tính sáng tạo và sự tự tin đối với chuyên môn ngành nghề của người học.					
Học phần tự chọn kiến thức chuyên ngành (<i>Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy</i>)							
2.31a	Quản trị thương hiệu	Môn học được xây dựng trên cơ sở khoa học về quản trị và marketing, là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương hiệu và công tác quản trị thương hiệu, trang bị cho sinh viên những kiến thức về hoạt động xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, thiết định vị thương hiệu, truyền thông thương hiệu, xây dựng phát triển thương hiệu, quản trị tài sản thương hiệu. Thông qua môn học này giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của thương hiệu trong chiến lược xây dựng thương hiệu của doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay. Phân tích và đánh giá được hoạt động xây dựng thương hiệu tại các doanh nghiệp trên thực tế. Ngoài ra môn học đặc biệt chú trọng vào phát triển tầm nhìn chiến lược, các năng lực cần thiết của nhà quản trị thương hiệu.	25	15	5	45	7

2.31b	Lãnh đạo	Môn học là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh bậc đại học. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về vai trò của nhà lãnh đạo trong việc thay đổi, phát triển, và hoàn thiện những cơ cấu và giá trị của tổ chức. Hiểu được những trường phái nghiên cứu về lãnh đạo nhằm ứng dụng trong hoạt động quản trị và điều hành tổ chức, doanh nghiệp. Môn học này đặc biệt chú trọng vào việc phát triển các lý thuyết, thực tiễn và năng lực của lãnh đạo hiện đại trong điều kiện toàn cầu hóa, bùng nổ tri thức, thay đổi rất nhanh. Sau khi học xong sinh viên có thể nắm vững kỹ năng lãnh đạo nhằm phát triển tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo và quản lý sự thay đổi từ đó nâng cao hiệu quả của tổ chức.	25	15	5	45	7
Học phần thay thế tốt nghiệp (Sinh viên lựa chọn 03 trong 04 môn học sau đây để tích lũy)							
2.32	Quản trị lực lượng bán hàng	Môn học này là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp. Nó cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Quản trị bán hàng và hoạt động bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức cần thiết của người bán hàng, đến quy trình, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng hiệu quả. Đồng thời sinh viên cũng được tiếp cận với các phương thức tổ chức quản lý bán hàng, phương pháp xây dựng tổ chức bán hàng, các biện pháp thúc đẩy bán hàng hiệu quả và các công cụ đánh giá hệ thống bán hàng.. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.	30	15	0	45	8
		Video Marketing là môn học					

2.33	Video Marketing	cung cấp kiến thức về công cụ video marketing, trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng triển khai công cụ video marketing trong các chiến dịch marketing kỹ thuật số. Kiến thức: Hiểu rõ tiếp thị video là một công cụ truyền thông tiếp thị tập trung vào việc tạo ra, phân phối nội dung video có giá trị, phù hợp và nhất quán để thu hút và giữ chân khán giả mục tiêu được xác định, thúc đẩy hành động có lợi của họ hướng đến mục tiêu tiếp thị của thương hiệu. Kỹ năng : sản xuất video sơ cấp với nội dung phù hợp để sử dụng trong truyền thông tiếp thị, lập kế hoạch tiếp thị video cho một tổ chức hoặc doanh nghiệp. Thái độ: Yêu thích các công việc truyền thông tiếp thị quảng cáo nói chung và bằng hình thức video nói riêng	30	15	0	45	8
2.34	Quản trị quan hệ khách hàng	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa khách hàng với doanh nghiệp, vai trò đối với doanh nghiệp và các định hướng chiến lược để tạo lập, duy trì và phát triển mối quan hệ này. Môn học giúp sinh viên hiểu về mô hình tổng quan và các nội dung doanh nghiệp cần thực hiện để quản trị quan hệ khách hàng. Môn học đặc biệt chú trọng vào việc cung cấp cho sinh viên những kiến thức và quan điểm mang tính chất nền tảng cũng như tư duy chuyển đổi từ hướng chú trọng đến giao dịch sang tư duy xây dựng và giúp doanh nghiệp gắn kết lâu dài với khách hàng. Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể bước đầu hình thành tư duy định hướng mối quan hệ với khách hàng nhằm phát triển tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo và quản lý sự thay đổi từ đó nâng cao hiệu quả của tổ chức.	25	15	5	45	8

2.35	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	Môn học là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng ứng dụng từ các lĩnh vực về quản trị, tài chính, nhân sự, Marketing để hình thành ý tưởng và hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp. Nội dung bao gồm sáng tạo ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp và tổ chức hoạt động khởi nghiệp. Sau khi học xong, sinh viên có được khả năng: 1. Tìm kiếm và đánh giá ý tưởng; 2. Phân tích được thị trường và nhu cầu của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ; 3. Xây dựng được kế hoạch kinh doanh; 4. Triển khai thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; 5. Định hướng trở thành doanh nhân.	25	15	5	45	8
------	--	---	----	----	---	----	---

11. Kế hoạch đào tạo

11.1. Học kỳ 1

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ <i>Marxist – Leninist Philosophy</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
2		Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
3	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
4	MAG301	Quản trị học/ <i>Fundamental of Management</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
5		Học phần tự chọn đại cương	2	Không	Tự chọn	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	13			

6		Học phần GDTC 1	1	Không	BB	Tiếng Việt
7		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Không	BB	Tiếng Việt

11.2. Học kỳ 2

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin/ <i>Marxist-Leninist Political Economics</i>	2	Triết học Mác – Lê nin	BB	Tiếng Việt
2		Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2</i>	2	Toán cao cấp 1	BB	Tiếng Việt
3	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability theory and Mathematical Statistics</i>	3	Toán kinh tế	BB	Tiếng Việt
4	LAW301	Pháp luật đại cương/ <i>General Laws</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
5	MAG301	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
6	MAG319	Nhập môn Quản trị kinh doanh/ <i>Introduction to Business and Administration</i>	2	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
7	MES303	Kinh tế vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	3	Kinh tế vi mô	BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	17			
8		Học phần GDTC 2	1	GDTC 1	BB	Tiếng Việt

11.3. Học kỳ 3

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	Tiếng Việt

2	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific Socialism</i>	2	Triết học Mác- Lê nin Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	BB	Tiếng Việt
3	ACC301	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
4	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Financial and Monetary Theory</i>	3	Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
5	ITS301	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3	Chứng chỉ tin học căn bản / Chứng chỉ IC3	BB	Tiếng Việt
6	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	16			
7		Học phần GDTC 3	1	GDTC 2	BB	Tiếng Việt

11.4. Học kỳ 4

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History Of Vietnamese Communist Party</i>	2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học		Tiếng Việt
2	LAW 304	Luật kinh doanh/Business Law	3	Pháp luật đại cương	BB	Tiếng Việt
3	ECE301	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	BB	Tiếng Việt
4		Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Research Methods</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt

5	ACC302	Kế toán tài chính	3	Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
6		Học phần tự chọn cơ sở ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
7		Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for specific purposes 1</i>	2	TOEIC 350, IELTS 3.5, bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	BB	Tiếng Anh
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19			
7		Học phần GDTC 4	1		BB	Tiếng Việt

11.5. Học kỳ 5

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
2	ENP307_201_6	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Kinh doanh/ <i>English For Business Administration</i>	3	Sinh viên phải có năng lực ngôn ngữ (nghe – nói – đọc – viết) ở cấp độ tương đương IELTS 4.5	BB	Tiếng Anh
4	MG032	Hành vi khách hàng/Consumer Behavior	3	Quản trị học Nguyên lý Marketing	BB	Tiếng Việt
5	MAG302	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ <i>Business Ethics and Organizational Culture</i>	3	Quản trị học Nguyên lý Marketing	BB	Tiếng Việt
7		Học phần tự chọn cơ sở ngành	6		BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	15			
		Học phần GDTC 5	1	GDTC 4	BB	Tiếng Việt

11.6. Học kỳ 6

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
3	MAG309	Quản trị marketing/ <i>Marketing Management</i>	3	Quản trị học Nguyên lý Marketing	BB	Tiếng Việt
		Marketing số/Digital Marketing	3	Tin học ứng dụng	BB	Tiếng Việt
	MAG313	Quản trị chiến lược/ <i>Strategic Management</i>	3	Quản trị học		Tiếng Việt
	MAG311	Quản trị nguồn nhân lực/ <i>Human Resource Management</i>	3	Truyền thông kinh doanh	BB	Tiếng Việt
		Sáng tạo nội dung số/ Digital Content Creation	3	Nguyên lý marketing		
		Học phần tự chọn ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18			

11.7. Học kỳ 7

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MKE307	Truyền thông marketing tích hợp/ Intergarated marketing communication.	3	Nguyên lý marketing	BB	Tiếng Việt
2		Marketing công cụ tìm kiếm/ Search Marketing	3	Nguyên lý marketing	BB	Tiếng Việt
3		Marketing truyền thông xã hội và di động/ Social media and mobile marketing	3	Nguyên lý marketing; Sáng tạo nội dung số Hành vi khách hàng	BB	Tiếng Việt
4		Lập chiến lược và kế hoạch marketing thời đại	3	Nguyên lý marketing	BB	Tiếng Việt

		số/ Digital marketing strategy and planning				
5		Học phần tự chọn chuyên ngành	3		Tự chọn	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	15			

11.8. Học kỳ 8

STT	Mã môn học	Tên môn học (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Môn học trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	INT305_1	Thực tập cuối khóa/ <i>internship</i>	3	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
2	REP305_1	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>	9	Theo quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	12			

12. Hướng dẫn thực hiện

12.1. Thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các môn học thay thế phải có tổng số 09 tín chỉ.

12.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy)

12.3. Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 5 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 đvtc) và Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 đvtc).

12.4. Chuẩn tiếng Anh và Tin học:

+ Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường) trở lên, hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

+ Chuẩn Tin học đầu ra: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin

nâng cao (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường

+ Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

+ Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung